

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
1	39419	HUYỀN THỊ HUỆ	AN	9/2	NỮ	16/09/2002	TP.HCM	6.50	3.75	3.00	1.50	24.25
2	39424	PHẠM HUỖNH	AN	9/1	NAM	13/04/2002	TP.HCM	5.00	6.00	3.75	2.50	26.00
3	39427	PHAN HOÀI TRƯỜNG	AN	9/4	NỮ	28/10/2002	TP.HCM	5.25	3.25	1.75	0.50	17.75
4	39452	NGUYỄN TUẤN	ANH	9/7	NAM	15/09/2001	HÀ NỘI	6.25	5.00	5.25	1.00	29.00
5	39456	PHAN MINH	ANH	9/4	NỮ	15/06/2002	TP.HCM	5.25	4.00	1.25	1.50	18.50
6	39475	LƯƠNG HẠNH	ÂN	9/1	NỮ	27/12/2002	TP.HCM	6.50	6.00	5.00	2.50	31.50
7	39483	ĐOÀN PHƯỚC NGỌC	BẢO	9/7	NAM	20/04/2002	TP.HCM	6.75	3.50	4.50	1.50	27.50
8	39501	TRẦN GIA	BẢO	9/4	NAM	23/11/2002	TP.HCM	6.75	3.75	2.00	0.50	21.75
9	39512	TRẦN GIA	BÌNH	9/5	NAM	02/09/2002	TP.HCM	6.25	4.00	2.00	0.50	21.00
10	39520	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHÂU	9/5	NỮ	22/09/2002	TP.HCM	6.25	5.50	5.50	1.50	30.50
11	39537	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	9/4	NAM	24/09/2002	TP.HCM	6.50	7.25	6.50	1.50	34.75
12	39540	NGUYỄN TRỌNG	DANH	9/6	NAM	16/12/2000	TP.HCM	4.50	2.75	3.00	0.00	17.75
13	39542	NGUYỄN TRẦN KIỀU	DIỆM	9/7	NỮ	25/05/2002	QUẢNG NGÃI	6.00	8.00	5.00	1.50	31.50
14	39546	CHÂU KIẾT	DINH	9/2	NỮ	14/04/2001	TP.HCM	5.75	2.25	1.00	1.50	17.25
15	39551	PHAN MỸ	DUNG	9/3	NỮ	22/10/2002	TP.HCM	5.50	6.00	4.00	1.50	26.50
16	39568	PHẠM VĂN	DUY	9/2	NAM	31/08/2002	TP.HCM	5.50	1.75	2.25	0.50	17.75
17	39570	VÕ VĂN	DUY	9/6	NAM	04/04/2002	ĐỒNG THÁP	6.50	4.25	4.50	4.50	30.75
18	39572	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	9/6	NỮ	23/07/2002	TP.HCM	6.50	7.25	4.25	1.50	30.25
19	39581	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	9/3	NAM	11/09/2002	TP.HCM	4.25	5.00	4.75	1.50	24.50
20	39586	ĐOÀN BÁ	ĐẠT	9/5	NAM	08/02/2002	TP.HCM	3.50	2.50	1.75	0.00	13.00
21	39603	TRẦN THÀNH	ĐẠT	9/2	NAM	05/02/2002	TP.HCM	6.00	5.25	1.50	0.50	20.75
22	39614	PỐC DOÃN	ĐÌNH	9/1	NỮ	28/11/2002	TP.HCM	7.25	8.50	3.25	3.00	32.50
23	39625	TRẦN MINH	ĐỨC	9/2	NAM	26/11/2002	CẦN THƠ	7.00	6.25	3.50	3.50	30.75
24	39628	VŨ MINH	ĐỨC	9/7	NAM	15/08/2002	ĐỒNG NAI	6.75	9.75	3.50	2.50	32.75
25	39648	LÂM VĨ	HÀO	9/1	NAM	04/12/2002	TP.HCM	5.25	5.50	5.25	2.50	29.00
26	39649	LƯƠNG VĨNH	HÀO	9/3	NAM	01/11/2002	TP.HCM	6.00	6.00	3.50	2.50	27.50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
27	39650	NGUYỄN TRUNG	HÀO	9/7	NAM	02/01/2002	TP.HCM	6.25	6.25	5.25	2.50	31.75
28	39651	NGUYỄN VĂN	HÀO	9/7	NAM	14/03/2002	THANH HÓA	5.50	6.75	5.00	1.50	29.25
29	39656	HOÀNG HIẾU	HÂN	9/2	NỮ	08/10/2002	BÌNH THUẬN	5.00	3.00	1.75	0.50	17.00
30	39657	LÊ BẢO	HÂN	9/5	NỮ	19/10/2002	KIÊN GIANG	6.00	2.75	3.50	1.00	22.75
31	39665	LA THỊ	HẰNG	9/3	NỮ	22/04/2002	TT-HUẾ	6.75	4.00	5.00	1.00	28.50
32	39669	VÕ THỊ THU	HẰNG	9/2	NỮ	18/01/2002	QUẢNG NGÃI	5.00	2.50	0.00	0.50	13.00
33	39671	DANH THỊ THU	HIỀN	9/4	NỮ	09/12/2002	TP.HCM	4.50	2.50	2.00	1.50	17.00
34	39673	HOÀNG THỊ	HIỀN	9/2	NỮ	16/11/2002	THANH HÓA	5.50	2.75	4.25	1.50	23.75
35	39682	ĐỖ TRẦN MINH	HIẾU	9/2	NAM	29/01/2002	TP.HCM	6.75	6.50	5.25	3.50	34.00
36	39690	NGUYỄN THANH	HIẾU	9/5	NAM	08/03/2002	TP.HCM	6.75	5.00	5.00	1.50	30.00
37	39700	LÊ	HOÀNG	9/7	NAM	19/07/2002	TT HUẾ	6.75	6.25	6.75	1.50	34.75
38	39713	QUAN NGỌC	HUỆ	9/1	NỮ	27/01/2002	TP.HCM	4.00	3.00	3.75	1.00	19.50
39	39720	CẨM QUANG	HUY	9/6	NAM	02/10/2002	TP.HCM	6.00	4.00	4.00	2.50	26.50
40	39731	NGUYỄN ĐỨC	HUY	9/3	NAM	05/09/2002	TP.HCM	5.00	8.25	3.75	2.50	28.25
41	39734	NGUYỄN MINH	HUY	9/5	NAM	30/09/2002	TP.HCM	5.00	2.50	2.25	0.50	17.50
42	39741	PHAN GIA	HUY	9/3	NAM	25/10/2002	CÀ MAU	-1.00	-1.00	-1.00	1.50	-3.50
43	39742	TẶNG GIÁC	HUY	9/1	NAM	11/07/2002	TP.HCM	5.50	7.00	6.25	2.50	33.00
44	39743	THÔNG GIA	HUY	9/1	NAM	06/06/2002	TP.HCM	6.25	4.50	5.00	2.50	29.50
45	39746	TRẦN QUANG	HUY	9/4	NAM	10/02/2002	TP.HCM	6.50	7.75	4.50	2.50	32.25
46	39747	TRỊNH GIA	HUY	9/7	NAM	21/12/2002	NINH BÌNH	5.00	9.00	4.25	1.50	29.00
47	39749	VIỄN QUANG	HUY	9/2	NAM	24/05/2002	TP.HCM	4.25	1.75	3.00	2.50	18.75
48	39751	VÕ NGUYỄN	HUY	9/7	NAM	01/08/2002	BẾN TRE	6.00	8.75	4.25	1.50	30.75
49	39755	HỒ ĐĂNG MẠNH	HƯNG	9/7	NAM	17/02/2002	TP.HCM	8.00	7.50	8.00	1.50	41.00
50	39763	CHƯƠNG HƯƠNG	HƯƠNG	9/1	NỮ	11/08/2002	TP.HCM	5.50	4.25	1.75	2.00	20.75
51	39768	PHAN THỊ THÙY	HƯƠNG	9/7	NỮ	12/12/2002	BẾN TRE	5.25	5.00	6.25	1.00	29.00
52	39769	TRẦN THỊ MỸ	HƯƠNG	9/2	NỮ	20/12/2002	TP.HCM	6.25	4.00	3.50	1.00	24.50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
53	39770	ĐẶNG THÁI MAI	HƯỜNG	9/6	NỮ	25/12/2002	TP.HCM	3.75	2.75	1.75	1.50	15.25
54	39793	NGÔ NGỌC	KHANH	TĐO	NỮ	19/03/2001	TP.HCM	7.00	6.50	2.75	2.50	28.50
55	39797	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	9/6	NAM	28/03/2002	TP.HCM	4.00	3.25	4.50	1.50	21.75
56	39802	LÊ GIA	KHÁNH	9/6	NAM	08/12/2002	TP.HCM	5.50	6.00	3.75	2.50	27.00
57	39804	MAI THỊ KIM	KHÁNH	9/2	NỮ	07/09/2002	TP.HCM	7.00	5.00	1.75	1.50	24.00
58	39806	NGUYỄN HỒ NAM	KHÁNH	9/7	NAM	12/02/2002	TP.HCM	8.25	8.25	6.25	1.50	38.75
59	39826	NGUYỄN HỮU ĐÌNH	KHOA	9/3	NAM	18/12/2002	TP.HCM	5.00	4.25	5.00	0.50	24.75
60	39852	TẠ TRUNG	KIÊN	9/3	NAM	02/12/2002	HÀ NAM	6.00	3.50	5.75	1.50	28.50
61	39857	NGUYỄN MINH	KIỆT	9/5	NAM	06/04/2002	KHÁNH HÒA	5.25	6.50	6.00	1.50	30.50
62	39860	PHAN THANH	KIỆT	9/6	NAM	30/09/2002	TP.HCM	4.25	3.75	1.75	0.50	16.25
63	39862	DƯƠNG THỊ THÚY	KIẾU	9/5	NỮ	11/08/2002	TRÀ VINH	4.50	2.00	4.00	1.50	20.50
64	39866	LÊ NH VĨNH	KÝ	9/2	NAM	09/08/2001	TP.HCM	6.00	6.00	4.50	2.00	29.00
65	39871	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	9/2	NỮ	26/04/2002	TP.HCM	7.00	5.50	5.25	1.00	31.00
66	39882	DƯƠNG THỊ ÁNH	LINH	9/6	NỮ	26/05/2002	TP.HCM	6.50	2.25	1.50	0.50	18.75
67	39889	LÊ PHẠM PHƯƠNG	LINH	9/4	NỮ	22/05/2002	BÌNH ĐỊNH	6.50	5.75	3.75	1.50	27.75
68	39901	TRẦN KHÁNH	LINH	9/6	NỮ	28/04/2002	TP.HCM	7.25	4.75	5.25	1.50	31.25
69	39910	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG	LONG	9/3	NAM	28/10/2002	TP.HCM	5.50	2.00	4.25	1.00	22.50
70	39919	GIÊNG MINH	LỘC	9/2	NAM	13/07/2002	TP.HCM	5.00	4.00	4.00	2.50	24.50
71	39927	LÊ TUẤN	LUẬN	9/3	NAM	17/06/2002	TP.HCM	6.25	6.50	5.00	0.50	29.50
72	39932	NGUYỄN NGỌC	MAI	9/3	NỮ	23/11/2002	TP.HCM	6.75	5.50	5.00	1.50	30.50
73	39939	LÊ QUỲNH NGỌC	MẶN	9/6	NỮ	04/10/2002	TP.HCM	5.50	4.25	3.00	0.00	21.25
74	39940	VÕ THIÊN	MẶN	9/3	NAM	13/05/2002	TP.HCM	6.50	4.00	6.00	1.50	30.50
75	39944	NGÔ VĂN	MINH	9/4	NAM	12/05/2002	TP.HCM	5.50	5.00	4.50	1.00	26.00
76	39955	PHAN DỰ HOÀI	MINH	9/2	NAM	18/11/2002	THỪA THIÊN HUẾ	5.75	4.75	2.75	0.50	22.25
77	39962	LƯU NHÃ	MY	9/4	NỮ	03/08/2002	TP.HCM	6.00	3.00	2.25	1.50	21.00
78	39972	VÕ Ý	MỸ	9/3	NỮ	01/07/2002	TP.HCM	5.00	4.25	0.75	0.50	16.25

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
79	39975	ĐỖ THÀNH	NAM	9/4	NAM	03/06/2002	NAM ĐỊNH	6.25	5.25	5.25	1.00	29.25
80	39976	ĐỖ VĂN	NAM	9/7	NAM	20/02/2002	VĨNH PHÚC	7.25	8.50	8.00	1.50	40.50
81	39987	THÁI THỊ THU	NGA	9/5	NỮ	28/08/2002	ĐẮK LẮK	4.50	2.00	2.75	0.50	17.00
82	40016	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	9/3	NAM	11/05/2002	TP.HCM	4.75	3.00	2.25	1.50	18.50
83	40022	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	9/5	NỮ	06/08/2002	TP.HCM	7.25	5.25	3.75	1.50	28.75
84	40023	LÃNG QUẾ	NGỌC	9/4	NỮ	05/11/2002	TP.HCM	6.50	2.25	5.50	1.50	27.75
85	40042	VÕ THANH	NGUYỄN	9/5	NAM	26/09/2002	TP.HCM	5.00	4.50	2.50	0.50	20.00
86	40046	TẠ NGỌC	NHÂN	9/4	NỮ	16/12/2002	TP.HCM	5.75	4.25	3.50	1.50	24.25
87	40053	TRẦN HOÀNG	NHÂN	9/3	NAM	12/02/2002	TP.HCM	7.25	5.50	6.00	1.50	33.50
88	40055	VÕ NGUYỄN	NHÂN	9/7	NAM	12/03/2002	TP.HCM	6.25	9.25	7.00	1.00	36.75
89	40070	HUỖNH THỊ TUYẾT	NHI	9/5	NỮ	06/02/2002	TP.HCM	6.50	6.00	4.50	1.50	29.50
90	40072	LÊ THỊ TÚ	NHI	9/7	NỮ	12/11/2002	AN GIANG	5.75	5.00	5.25	2.50	29.50
91	40074	LƯƠNG YẾN	NHI	9/1	NỮ	11/08/2002	TP.HCM	6.75	3.25	3.25	2.00	25.25
92	40077	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	9/7	NỮ	14/03/2002	BÌNH THUẬN	7.25	8.00	5.75	1.50	35.50
93	40081	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	9/7	NỮ	06/02/2002	QUẢNG NGÃI	7.50	7.00	6.50	1.50	36.50
94	40094	NGUYỄN HỒNG	NHIÊN	9/7	NỮ	22/11/2002	BẠC LIÊU	6.75	7.00	6.00	1.50	34.00
95	40096	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	9/3	NỮ	06/08/2002	TT-HUẾ	5.25	2.25	1.00	0.50	15.25
96	40103	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	9/7	NỮ	14/05/2002	NGHỆ AN	7.25	7.50	6.50	3.50	38.50
97	40113	TRƯƠNG QUỲNH	NHƯ	9/6	NỮ	01/11/2002	BÌNH ĐỊNH	4.25	3.50	3.25	0.50	19.00
98	40116	NGUYỄN HOÀNG	OANH	9/3	NỮ	05/01/2002	CÀ MAU	6.25	4.75	4.50	1.50	27.75
99	40117	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	9/2	NỮ	15/04/2002	TP.HCM	6.00	4.00	3.00	1.50	23.50
100	40118	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	9/6	NỮ	01/11/2002	QUẢNG NAM	6.50	3.00	3.00	1.50	23.50
101	40124	TSAN HÙNG	PHÁT	9/6	NAM	27/05/2002	ĐỒNG NAI	4.25	6.25	4.25	1.50	24.75
102	40126	NGUYỄN ĐÌNH	PHI	9/6	NAM	29/05/2001	TP.HCM	4.50	2.75	0.75	1.00	14.25
103	40158	LỖ KIM	PHỤNG	9/1	NỮ	08/10/2002	TP.HCM	7.25	2.50	5.00	2.50	29.50
104	40160	NGÔ TUYẾT	PHỤNG	9/4	NỮ	13/01/2002	VĨNH LONG	6.75	3.75	2.50	0.50	22.75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
105	40163	TRỊNH LÝ THIÊN	PHƯỚC	9/6	NAM	01/10/2002	SÓC TRĂNG	6.25	6.00	3.50	1.00	26.50
106	40166	GIÁP ĐÌNH QUỐC	PHƯỚC	9/6	NAM	30/01/2002	BẮC GIANG	4.25	3.25	3.75	0.50	19.75
107	40168	LÊ THỊ	PHƯỚC	9/7	NỮ	23/06/2002	TP.HCM	7.00	7.00	6.50	1.50	35.50
108	40183	VÕ THỊ NHƯ	PHƯỚC	9/2	NỮ	04/02/2002	TP.HCM	6.50	3.75	1.75	1.50	21.75
109	40184	HỒ LÊ NHẬT	QUANG	9/3	NAM	22/08/2002	QUẢNG NGÃI	5.75	5.25	5.00	0.50	27.25
110	40190	TRẦN MINH	QUANG	9/6	NAM	28/03/2002	TT-HUẾ	5.75	4.50	4.50	1.50	26.50
111	40204	LÊ THANH	QUÍ	9/5	NAM	17/07/2002	BÌNH PHƯỚC	2.75	1.50	1.75	0.00	10.50
112	40205	NGÔ ĐÌNH	QUÍ	9/6	NAM	23/02/2002	TP.HCM	5.75	4.50	2.25	0.50	21.00
113	40210	NGUYỄN HỮU	QUỐC	9/2	NAM	16/11/2002	BẠC LIÊU	6.00	4.75	4.50	4.50	30.25
114	40215	NGUYỄN AN	QUÝ	9/3	NAM	30/03/2002	ĐỒNG THÁP	5.75	3.00	0.75	0.50	16.50
115	40219	NGUYỄN THỊ THÚY	QUYÊN	9/3	NỮ	23/07/2002	BR-VT	5.75	6.50	4.75	1.50	29.00
116	40221	PHÙNG TIỂU	QUYÊN	9/1	NỮ	13/08/2002	TP.HCM	6.25	7.25	6.50	2.50	35.25
117	40226	HOÀNG LAN NỮ THẢO	QUỲNH	9/7	NỮ	14/08/2002	TP.HCM	7.75	6.25	6.25	1.50	35.75
118	40227	HOÀNG NGUYỄN DIỄM	QUỲNH	9/2	NỮ	01/11/2002	TP.HCM	7.00	6.50	4.25	1.50	30.50
119	40229	LÊ THỊ	QUỲNH	9/4	NỮ	07/04/2002	ĐẮK LẮK	7.00	5.50	5.00	1.50	31.00
120	40240	TRẦN VÕ KHÁNH	QUỲNH	9/3	NỮ	31/08/2001	TP.HCM	6.50	6.00	1.75	1.00	23.50
121	40242	BÙI ĐẶNG NGỌC	SAN	9/4	NAM	10/11/2002	TP.HCM	4.00	6.25	3.50	1.00	22.25
122	40243	NGUYỄN HỒNG	SANG	9/5	NAM	23/07/2002	TP.HCM	4.75	4.25	4.75	2.50	25.75
123	40246	TRẦN ĐÌNH	SANG	9/4	NAM	21/02/2002	TP.HCM	6.50	5.50	4.25	2.00	29.00
124	40247	TRẦN QUANG	SANG	9/3	NAM	09/10/2002	TP.HCM	5.75	4.75	6.00	1.00	29.25
125	40252	PHAN VĂN	SƠN	9/3	NAM	23/04/2002	TT-HUẾ	4.50	6.25	3.75	1.50	24.25
126	40254	HOÀNG LÊ TẤN	TÀI	9/6	NAM	12/03/2002	TP.HCM	7.00	3.75	4.50	1.50	28.25
127	40271	LÊ QUANG	TẤN	9/5	NAM	24/11/2002	TP.HCM	6.75	6.50	3.75	1.50	29.00
128	40277	NGUYỄN THỊ QUẾ	THANH	9/4	NỮ	13/11/2002	TP.HCM	6.00	3.25	3.00	0.50	21.75
129	40278	NGUYỄN THUY UYÊN	THANH	9/5	NỮ	07/04/2002	TP.HCM	6.50	2.50	2.25	1.50	21.50
130	40279	TRẦN THỊ THIÊN	THANH	9/3	NỮ	09/11/2002	TP.HCM	5.75	4.25	4.50	1.50	26.25

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
131	40282	DIỆP CHÍ	THÀNH	9/3	NAM	27/09/2000	TP.HCM	-1.00	-1.00	-1.00	0.00	-5.00
132	40284	LÊ THANH	THÀNH	9/7	NAM	12/10/2002	TP.HCM	6.00	7.50	5.75	1.50	32.50
133	40294	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	9/7	NỮ	03/07/2002	THANH HÓA	6.00	5.25	4.25	1.00	26.75
134	40298	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	9/7	NỮ	15/10/2002	TP.HCM	6.25	8.25	4.75	2.50	32.75
135	40301	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	9/5	NỮ	26/11/2002	TÂY NINH	-1.00	-1.00	-1.00	1.00	-4.00
136	40302	NGUYỄN XUÂN	THẢO	9/4	NỮ	07/03/2002	TÂY NINH	6.00	4.50	2.50	1.00	22.50
137	40307	TRẦN THỊ	THẢO	9/6	NỮ	24/02/2002	TRÀ VINH	5.75	3.75	4.00	0.50	23.75
138	40308	NGUYỄN NƯỞNG HỒNG	THẮM	9/2	NỮ	27/01/2002	TP.HCM	6.75	4.75	5.75	2.50	32.25
139	40313	PHẠM QUỐC	THẮNG	9/4	NAM	20/10/2002	TP.HCM	6.75	7.50	4.75	1.50	32.00
140	40314	TRẦN HUỖNH VŨ	THẮNG	9/2	NAM	25/01/2002	ĐẮK LẮK	5.75	2.25	2.50	0.50	19.25
141	40317	PHẠM NGUYỄN THANH	THỊ	9/4	NỮ	05/05/2002	TP.HCM	6.25	4.75	6.00	1.00	30.25
142	40329	HỒ NGUYỄN HẢI	THỊNH	9/7	NỮ	17/02/2002	TP.HCM	6.25	6.00	7.00	1.50	34.00
143	40333	LÊ QUỐC	THỊNH	9/5	NAM	20/02/2002	TP.HCM	6.00	8.75	2.75	1.50	27.75
144	40341	CAO VĂN	THÔNG	9/2	NAM	01/02/2002	QUẢNG NGÃI	6.25	1.75	3.50	2.00	23.25
145	40344	HOÀNG MINH	THÔNG	9/7	NAM	04/12/2002	TP.HCM	6.50	8.00	6.50	1.50	35.50
146	40351	HỒ TẤN	THUẬN	9/2	NAM	31/08/2002	QUẢNG NGÃI	4.50	3.00	2.50	0.50	17.50
147	40356	LA THỊ	THÚY	9/3	NỮ	22/04/2002	TT-HUẾ	6.50	7.25	5.50	1.50	32.75
148	40357	TRẦN THỊ MỘNG	THÚY	9/3	NỮ	18/01/2002	TP.HCM	6.75	4.00	4.00	0.50	26.00
149	40368	CHỐNG TIỀN MINH	THỨ	9/1	NỮ	29/01/2002	TP.HCM	7.00	6.00	4.75	3.00	32.50
150	40372	HOÀNG LÊ	THỨ	9/6	NỮ	26/01/2002	TP.HCM	5.75	3.25	1.75	0.50	18.75
151	40382	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	THỨ	9/7	NỮ	30/06/2002	QUẢNG NGÃI	7.00	7.75	6.50	1.50	36.25
152	40391	VÕ MINH	THỨ	9/6	NỮ	14/06/2002	TP.HCM	6.50	4.75	1.75	1.50	22.75
153	40398	TRỊNH THỊ	THƯỜNG	9/2	NỮ	29/11/2002	TP.HCM	8.00	6.25	5.75	1.50	35.25
154	40410	VĂN NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	9/3	NỮ	12/08/2002	TP.HCM	6.00	3.50	3.25	0.50	22.50
155	40414	NGUYỄN QUYẾT	TIỀN	9/5	NAM	04/10/2002	BẮC NINH	5.25	3.50	3.75	1.00	22.50
156	40416	ĐỖ NGUYỄN THÀNH	TÍN	9/4	NAM	06/12/2002	TP.HCM	5.50	2.25	5.00	2.50	25.75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
157	40426	ĐOÀN THỊ THÙY	TRANG	9/7	NỮ	22/10/2002	ĐẮC LẮC	7.75	6.25	7.00	1.50	37.25
158	40441	TRẦN THỊ	TRANG	9/2	NỮ	25/02/2002	THANH HÓA	6.50	4.75	3.00	2.50	26.25
159	40450	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	9/7	NỮ	23/11/2002	TP.HCM	7.25	6.50	6.50	1.50	35.50
160	40464	NGUYỄN THÀNH	TRIẾT	9/6	NAM	25/04/2002	QUẢNG NGÃI	4.00	2.75	4.00	1.50	20.25
161	40467	TRẦN THỊ	TRINH	9/7	NỮ	05/02/2002	TP.HCM	6.75	6.25	5.50	1.50	32.25
162	40473	ĐOÀN NGUYỄN THANH	TRÚC	9/5	NỮ	11/12/2002	TP.HCM	6.25	3.50	2.75	1.50	23.00
163	40478	NGUYỄN THANH	TRÚC	9/7	NỮ	20/05/2002	TP.HCM	6.75	6.25	6.50	1.50	34.25
164	40503	HUYỀN ANH	TUẤN	9/5	NAM	06/07/2002	TP.HCM	5.25	3.25	3.75	3.00	24.25
165	40507	NGUYỄN LÊ THÁI	TUẤN	9/5	NAM	19/03/2002	BÌNH ĐỊNH	6.25	8.00	3.25	1.50	28.50
166	40508	PHẠM VĂN	TUẤN	9/4	NAM	09/01/2002	ĐẮC LẮC	6.25	4.00	2.75	1.50	23.50
167	40510	PHÚ THANH	TUẤN	9/1	NAM	22/07/2002	TP.HCM	4.50	5.25	3.00	1.00	21.25
168	40525	NGŨ TỬ	TỰ	9/1	NAM	20/11/2002	TP.HCM	5.50	9.25	5.00	2.50	32.75
169	40543	PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	9/2	NỮ	28/11/2002	NAM ĐỊNH	5.75	5.75	4.75	1.50	28.25
170	40554	HỖ TRIẾT	VÂN	9/1	NỮ	02/10/2002	TP.HCM	6.50	7.25	5.00	3.50	33.75
171	40559	TRẦN THỊ THANH	VÂN	9/6	NỮ	27/08/2002	TP.HCM	6.50	2.75	4.00	1.50	25.25
172	40561	TRỊNH HỒNG	VÂN	9/5	NỮ	06/02/2002	ĐỒNG NAI	7.00	3.00	4.00	0.50	25.50
173	40562	LIÊU HI	VĂN	9/4	NAM	17/10/2002	TP.HCM	4.75	3.50	4.00	2.00	23.00
174	40568	TRẦN BẢO TƯỜNG	VI	9/5	NỮ	24/11/2002	TP.HCM	6.50	2.25	3.75	0.50	23.25
175	40571	TRẦN VIỆT	VĨ	9/1	NAM	04/04/2002	TP.HCM	6.50	7.00	6.00	2.50	34.50
176	40580	LIN CHẤN	VINH	9/7	NAM	09/12/2002	TP.HCM	7.00	8.50	6.00	2.50	37.00
177	40583	SÚ DUY	VINH	9/6	NAM	25/07/2002	TP.HCM	-1.00	-1.00	-1.00	2.50	-2.50
178	40587	HỒ DUY	VŨ	9/5	NAM	07/08/2002	NINH THUẬN	6.00	2.50	3.50	1.50	23.00
179	40602	HỒ THỊ TƯỜNG	VY	9/2	NỮ	02/01/2002	ĐẮC NÔNG	6.00	4.25	2.00	0.50	20.75
180	40612	NGUYỄN PHÚC THÚY	VY	9/7	NỮ	08/07/2002	TP.HCM	6.25	7.75	7.25	1.50	36.25
181	40613	NGUYỄN THANH THẢO	VY	9/5	NỮ	02/10/2002	TP.HCM	6.75	6.75	4.75	1.50	31.25
182	40614	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	9/4	NỮ	01/09/2002	TIỀN GIANG	5.00	4.00	3.00	0.50	20.50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS PHẠM NGỌC THẠCH

Số TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
183	40618	PHẠM TRÚC	VY	9/6	NỮ	02/10/2002	TP.HCM	5.75	3.00	2.75	0.50	20.50
184	40619	PHAN THỊ BẢO	VY	9/3	NỮ	30/03/2002	TP.HCM	6.25	4.75	3.75	0.50	25.25
185	40623	TRẦN NGỌC BÍCH	VY	9/4	NỮ	10/09/2002	TP.HCM	6.75	3.75	2.00	1.00	22.25
186	40629	LÃ THANH	XUÂN	9/2	NỮ	27/03/2002	TP.HCM	6.25	4.50	3.50	1.00	25.00
187	40631	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	YẾN	9/4	NỮ	25/08/2002	TP.HCM	5.50	2.75	2.75	1.00	20.25
188	40632	VÁN MỸ	YẾN	9/3	NỮ	29/08/2002	TP.HCM	5.25	3.50	3.00	2.00	22.00

TỔNG CỘNG CỐ 188 THÍ SINH